

## NHẬN DIỆN, PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH VỀ VẤN ĐỀ TÔN GIÁO VÀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO

TS. Hoàng Văn Chung\*

### Dẫn nhập

Ngày 8/10/2025, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã khởi tố và bắt tạm giam Y Nuen Ayũn, 58 tuổi, trú tại buôn Puăn B, xã Ea Phê, để điều tra về tội *phá hoại chính sách đoàn kết*. Kết quả điều tra bước đầu cho thấy từ năm 2019, Y Nuen Ayũn tham gia tổ chức “Hội thánh Tin Lành Đấng Christ Tây Nguyên”. Trong quá trình tham gia, đối tượng nhiều lần cung cấp thông tin bịa đặt liên quan đến sinh hoạt tôn giáo ở Tây Nguyên, vu khống chính quyền gây khó khăn và đàn áp tín đồ. Y Nuen Ayũn còn tham gia các cuộc họp trực tuyến dưới danh nghĩa “sinh hoạt tôn giáo”, “cầu nguyện”, nhưng thực chất nhằm tổ chức hoạt động chống chính quyền nhân dân<sup>1</sup>.

---

\* Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

1. Trương Nguyễn (2025), “Bắt kẻ chuyên lời kéo người dân phá hoại chính sách đại đoàn kết”, báo Dân trí, truy cập tại: <https://dantri.com.vn/phap-luat/bat-ke-chuyen-loi-keo-nguoi-dan-pha-hoai-chinh-sach-dai-doan-ket-20251008100838584.htm>



Trước đó, vào ngày 13/3/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên mở phiên sơ thẩm xét xử 8 bị cáo về tội phá rối an ninh liên quan đến vụ tụ tập đông người tại bản Huổi Khon, xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé vào cuối tháng 4 - 5/2011, nhằm gây sức ép với chính quyền và đưa ra yêu sách thành lập cái gọi là “Vương quốc Mông”. Các bị cáo gồm Giàng A Sì, Vàng Seo Phừ, Mùa A Thắng, Thào A Khay, Chang A Dơ, Thào A Lôu, Cư A Báo và Vàng A Giàng, đều từ 26 đến 36 tuổi. Không giữ vai trò chủ mưu nhưng nhóm bị cáo được xác định là đồng phạm tích cực và bị khởi tố theo quy định của pháp luật. Kết quả điều tra cho thấy vụ việc nằm trong một tổ chức do Vàng A Á cấu kết với Thào A Lù cầm đầu, tuyên truyền về việc “đoàn kết xây dựng Vương quốc Mông” trong tháng 5/2011. Nghe theo lời tuyên truyền đó, một số người dân đã bán tài sản, tụ tập cầu nguyện, đóng góp tiền cho tổ chức và gây sức ép đòi cấp đất riêng<sup>1</sup>.

Cả hai sự việc nói trên dù xảy ra ở các địa điểm khác nhau, hành vi có khác nhau, nhưng chung một điểm: lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền các luận điệu sai trái nhằm chống phá chính quyền. Đây là vấn đề đã xảy ra không ít lần và vẫn lặp lại dưới hình thức này hay hình thức khác, gây ra mất an ninh, trật tự địa phương, làm ảnh hưởng đến phát triển xã hội hài hòa, hướng tới các mục tiêu bền vững.

---

1. Thông tấn xã Việt Nam (2012), “Xét xử sơ thẩm vụ ‘phá rối an ninh’ tại Mường Nhé”, truy cập tại: <https://nvs.vnanet.vn/xet-xu-so-tham-vu-pha-roi-an-ninh-tai-muong-nhe-1-112969.vna> , truy cập ngày 15 tháng 9 năm 2025



Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo, và có một lịch sử khó khăn về dựng nước, giữ nước, phát triển đất nước. Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng về nguồn gốc (nội sinh và ngoại sinh), đông đảo về tín đồ (gần 1/3 dân số theo các tôn giáo khác nhau), quan trọng về ý nghĩa đối với đời sống tinh thần, vật chất của cá nhân và cộng đồng<sup>1</sup>. Tuy nhiên, chính vì tôn giáo có sức lan tỏa và ảnh hưởng xã hội sâu rộng nên nó cũng trở thành “mặt trận mềm” mà các đối tượng, thế lực thù địch trong và ngoài nước tìm cách khai thác. Dưới danh nghĩa lên tiếng vì bảo vệ quyền “tự do tôn giáo”, “quyền người bản địa”, “bảo vệ văn hóa dân tộc thiểu số”, một số cá nhân, tổ chức quốc tế và lực lượng phản động lưu vong đã chính trị hóa niềm tin tôn giáo, thổi phồng các vụ việc địa phương thành “vấn đề nhân quyền”, “đàn áp tôn giáo”, nhằm quốc tế hóa các vấn đề nội bộ Việt Nam.

Đây là một trong những biểu hiện mới của an ninh phi truyền thống, khi diễn ngôn nhân quyền được sử dụng như công cụ quyền lực nhưng mục đích sau cùng không phải bảo vệ quyền của người có niềm tin tôn giáo hay người thuộc dân tộc thiểu số mà là tạo có gây mất ổn định, làm suy yếu tính chính danh chính trị và chủ quyền của Nhà nước. Thực tế, việc lợi dụng tôn giáo bởi các thế lực thù địch bên ngoài lãnh thổ Việt Nam không chỉ là gây ra khó khăn cho hoạt động ngoại giao, tạo ra những sức ép quốc tế đối với công việc nội bộ quốc gia. Nguy hiểm hơn là những hành vi này đã là nguyên do trực tiếp dẫn đến

---

1. Ban Tôn giáo Chính phủ (2022), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.11-13.



các vụ bạo loạn có sự tham gia đông người (các năm 2001, 2004) và vụ tấn công chính quyền cấp xã (năm 2023) ở Tây Nguyên; các sự kiện tụ tập đông người gây áp lực với chính quyền ở Tây Bắc (2012, 2018, và 2020); những nỗ lực lôi kéo người dân tộc thiểu số theo các hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo mới, "tà đạo" v.v... Dù các hình thức lợi dụng khác nhau, điểm chung là tạo ra và lan truyền những luận điệu sai trái, từ đó kích động người có niềm tin tôn giáo đòi quyền tự do bất chấp quy định pháp luật. Nguy hiểm hơn, các đối tượng thù địch không cần phải có mặt trong nước mới thực hiện được các hoạt động này. Hệ quả gây ra là trên các vùng trọng điểm của đất nước đều đã xuất hiện các ý tưởng ly khai, đòi xây dựng nhà nước tự trị như "nhà nước Mông" ở Tây Bắc; "nhà nước Tin Lành Degar" ở Tây Nguyên; "vương quốc Chămpa" ở vùng Nam Trung bộ; "Nhà nước Khmer Krom" ở Tây Nam bộ. Những ý tưởng này lúc âm ỉ, lúc bùng phát thành những hành động chống đối, thách thức chủ quyền lãnh thổ, ảnh hưởng tiêu cực đến quyền lực ngoại giao, làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc cũng như an ninh quốc gia, an ninh xã hội, an ninh tôn giáo, và an ninh con người.

Bài tham luận này dựa trên phân tích các dữ liệu thứ cấp và sơ cấp thu thập được trong các năm qua để góp phần nhận diện và tiếp đó là phản bác các quan điểm sai trái, thù địch lợi dụng vỏ bọc tôn giáo. Đặc biệt, bài tham luận cũng đưa ra một số gợi ý cho Tôn giáo học như là một lĩnh vực đặc thù nhưng có nhiều khả năng đóng góp cho nhận diện, đấu tranh, phản bác việc lợi dụng tôn giáo để chống phá chính quyền qua các lĩnh vực như nghiên cứu khoa học, ngoại giao, và truyền thông đại chúng.



## **1. Tại sao tôn giáo thường bị lợi dụng vào các hoạt động chống phá Việt Nam về chính trị?**

Trước tiên, cần có sự luận giải về hiện tượng lặp đi lặp lại suốt thời gian hàng thập niên qua ở Việt Nam, đó là lợi dụng vỏ bọc tôn giáo để tuyên truyền các luận điệu sai trái nhằm chống phá chính quyền, làm suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ở bối cảnh rộng hơn, trong tiến trình văn minh nhân loại và sự phát triển của các quốc gia - dân tộc, một trong những vấn đề trung tâm cần được giải quyết là quyền tự do niềm tin và quyền thể hiện niềm tin của con người đối với các đấng siêu nhiên, hay nói rộng hơn, là quyền tự do tôn giáo và tín ngưỡng. Đây vừa là một giá trị phổ quát của nhân quyền hiện đại, vừa là thách thức chính trị - xã hội đối với mọi chế độ, bởi nó liên quan trực tiếp đến bản sắc, niềm tin và sự gắn kết của các cộng đồng dân cư trong một quốc gia.

Từ nửa sau thế kỷ XX đến nay, thế giới chứng kiến sự vận động trái chiều của nhiều xu thế lớn. Toàn cầu hóa phá vỡ hàng loạt ranh giới truyền thống về chính trị, kinh tế và văn hóa, làm gia tăng tính liên thông và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia. Cùng lúc đó, chủ nghĩa dân tộc nổi lên với những biểu hiện mới - ít mang tính ý thức hệ, nhưng lại nhấn mạnh mạnh mẽ hơn đến lợi ích thực dụng, an ninh, chủ quyền và bản sắc. Trong bối cảnh đó, hai khuynh hướng đối lập cùng tồn tại: một mặt, các liên minh quốc tế và khu vực được hình thành nhằm bảo vệ lợi ích chung, thúc đẩy hợp tác và cùng hướng tới thịnh vượng; mặt khác, chủ nghĩa cực đoan tôn giáo, chủ nghĩa khủng bố nhân danh đức tin, cùng với các phong trào ly khai, đòi tự trị hoặc "giải lãnh thổ" (deterritorialization) lại làm gia



tăng tình trạng bất ổn, đe dọa trực tiếp đến chủ quyền quốc gia, sự ổn định chính trị và tính cố kết xã hội của nhiều quốc gia - đặc biệt là những quốc gia đa tộc người, đa tôn giáo.

Giữa tình hình đó, ngày 13 tháng 9 năm 2007, Liên Hợp quốc thông qua Tuyên ngôn về Quyền của Người bản địa (UNDRIP)<sup>1</sup>. Văn kiện này khẳng định các quyền cơ bản của các dân tộc bản địa, bao gồm quyền tự quyết, quyền về đất đai và tài nguyên, quyền văn hóa - ngôn ngữ, quyền phát triển, quyền được tham vấn và tự quản. Đây được xem là chuẩn mực quốc tế tối thiểu về bảo vệ quyền con người của các cộng đồng, đặc biệt các cộng đồng bị chia cắt bởi biên giới quốc tế thời hiện đại, nhưng mang tính khuyến nghị chứ không ràng buộc về pháp lý. Tuyên ngôn cho rằng có thực tế là biên giới quốc gia hiện đại thường được vẽ ra trên cơ sở chủ quyền nhà nước, nhưng nhiều cộng đồng bản địa vốn có lãnh thổ và không gian sinh tồn từ nhiều thế kỷ trước đây vốn đã vượt lên các ranh giới ấy. Việc thiết lập biên giới quốc gia tùy tiện đã chia cắt nhiều cộng đồng bản địa, làm phát sinh nhu cầu cấp thiết phải thừa nhận và bảo vệ quyền liên kết xuyên biên giới của họ<sup>2</sup>, chẳng hạn như thăm thân, hôn nhân, thực hành nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng, tiếp cận vùng đất truyền thống... Thực tế, trên thế giới, những trường hợp như thế không ít, như trường hợp người Sápmi ở Bắc Âu,

---

1. Xem: United Nations (2007), *United Nations Declaration on the rights of indigenous peoples*, toàn văn truy cập tại: [https://www.un.org/development/desa/Indigenouspeoples/wp-content/uploads/sites/19/2018/11/UNDRIP\\_E\\_web.pdf](https://www.un.org/development/desa/Indigenouspeoples/wp-content/uploads/sites/19/2018/11/UNDRIP_E_web.pdf)

2. Xem điều 36, Văn kiện UNDRIP, tài liệu đã dẫn.



người Zo ở vùng giao thoa giữa các quốc gia có chung biên giới gồm Ấn Độ, Myanmar và Bangladesh...

Tuy nhiên, tuyên ngôn có động cơ bảo vệ những cộng đồng thiểu số bị chia cắt bởi biên giới hiện đại này cũng tạo nên khả năng diễn giải mở, đặc biệt là sự mở rộng nội hàm và tranh luận xung quanh khái niệm “cross-border indigenous peoples” (các dân tộc bán địa xuyên biên giới). Từ đó một số tổ chức quốc tế và phong trào có động cơ chính trị đã khai thác để gây sức ép đối với các quốc gia lân cận có các cộng đồng dân tộc nằm vắt qua biên giới vốn được cho là “chưa được bảo đảm đầy đủ quyền”. Trong một số trường hợp, những diễn giải mang tính chính trị hóa này đã tác động đến trật tự an ninh quốc gia, trở thành công cụ phục vụ các chiến lược “diễn biến hòa bình” hoặc “can thiệp nhân danh nhân quyền”.

Cùng với đó, các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng nổi bật - bao gồm buôn người, lừa đảo xuyên biên giới sử dụng công nghệ cao, di cư bất hợp pháp, xung đột sắc tộc quy mô nhỏ, khủng bố xuyên biên giới nhân danh đức tin tôn giáo, dịch bệnh và suy thoái môi trường sống. Những hiện tượng này không chỉ làm thay đổi cấu trúc an ninh quốc tế, mà còn đặt ra những yêu cầu mới đối với chính sách quốc gia về tôn giáo, dân tộc, di cư và quyền con người, trong đó vấn đề niềm tin tôn giáo và bản sắc dân tộc trở thành một yếu tố then chốt của an ninh chính trị - xã hội đương đại.

Đáng chú ý, quyền tự do tôn giáo đã và đang bị lợi dụng như công cụ chủ yếu cho những nghị trình cá nhân hay nhóm mang động cơ và tính chất chính trị, ý đồ vụ lợi về vật chất chứ không phải là những lý tưởng cao đẹp. Các đối tượng lợi dụng



như thế nhân danh lên tiếng đấu tranh cho quyền của «các dân tộc bản địa» nhưng lại gây ra mất ổn định, an ninh cho đời sống chung của các dân tộc trong một quốc gia hoặc vùng. Đặc biệt là mất an ninh dân tộc-tôn giáo trực tiếp ảnh hưởng đến an toàn xã hội và an ninh quốc gia. Hai mô thức phổ biến của lợi dụng tôn giáo là *chính trị hóa tôn giáo* (thổi phồng các sự vụ tôn giáo địa phương thành vấn đề chính trị quốc gia) và *quốc tế hóa tôn giáo* (mang các vấn đề tôn giáo ở trong nước ra thảo luận tại các diễn đàn quốc tế). Không ít trường hợp các đối tượng này dựng lên các ý tưởng, các dự án nhằm đấu tranh cho quyền tự do tôn giáo, qua đó thu hút các nguồn tài trợ, nhưng bóc ra đến cùng thì về bản chất thì lại chỉ là những phương cách mưu sinh nhất thời, đầy tính cơ hội.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, dân chủ và nhân quyền trở thành “thước đo” giả định của các thể lực chính trị phương Tây, vấn đề tự do tôn giáo thường được sử dụng như công cụ gây sức ép, can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia có chế độ chính trị khác biệt. Các tuyên bố về quyền con người trong Tuyên ngôn Nhân quyền (1948) và các Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế... thường được cố ý diễn giải như tiêu chuẩn, là luật quốc tế về đảm bảo quyền con người, đặc biệt là quyền tự do lương tâm, tự do tôn giáo. Tôn giáo vốn là hiện tượng xã hội - văn hóa đặc thù, có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống tinh thần, niềm tin và hành vi của con người, do đó thường được sử dụng như công cụ để các cá nhân, tổ chức thu hút sự chú ý cho những nghị trình của mình.

Trong lịch sử Việt Nam thời cận-hiện đại, đã tồn tại những hình thức lợi dụng tôn giáo bởi các thể lực chính trị, nhằm tập



hợp quần chúng, thực hiện tư tưởng đối kháng lẫn nhau. Ngay khi tuyên bố khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, chính phủ Hồ Chí Minh đã phải ban hành những quyết sách nhằm chống lại việc lợi dụng niềm tin tôn giáo để gây dựng lực lượng, chống phá nhà nước non trẻ, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Suốt giai đoạn kháng chiến tiến tới thống nhất đất nước, chúng ta cũng phải đối mặt với những hoạt động tập hợp lực lượng, chống phá dưới chiêu bài tôn giáo của những lực lượng thù địch.

Ngày nay, ở Việt Nam có gần 1/3 dân số (trên 28 triệu người theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ) theo các tôn giáo khác nhau, trong đó có cả các tôn giáo ngoại sinh cũng là tôn giáo thế giới và các tôn giáo nội sinh. Mỗi tôn giáo có lịch sử du nhập hoặc hình thành khác nhau, có cách tổ chức cộng đồng tín đồ khác nhau, và tác động, ảnh hưởng sâu sắc đến tín đồ theo những cách khác nhau. Chính đặc điểm này khiến tôn giáo trở thành lĩnh vực nhạy cảm, dễ bị lợi dụng vào các mục tiêu chính trị. Hơn nữa, các hoạt động lôi kéo, kích động lợi dụng chiêu bài tự do tôn giáo chủ yếu diễn ra ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số cư trú gần biên giới. Từ phía người dân trong nước, nhận thức còn hạn chế của một bộ phận, đặc biệt là người dân tộc thiểu số cư trú ở các vùng biên giới nhiều khó khăn, là một yếu tố khiến niềm tin và lòng nhiệt thành tôn giáo của họ dễ bị lợi dụng. Trình độ dân trí thấp, trình độ học vấn chỉ ở mức cơ bản, thiếu hiểu biết về chính sách, pháp luật, yếu về ý thức quốc gia-dân tộc... là những điểm mà họ dễ bị khai thác, lợi dụng lôi kéo vào các hoạt động mang danh nghĩa tôn giáo nhưng thực ra là trái pháp luật. Mặt khác, do thu nhập



thấp, điều kiện sống khó khăn, nên khi được tiếp cận và giúp đỡ về vật chất, được nghe hứa hẹn về cuộc sống sung sướng sau này, chẳng hạn như “không làm vẫn có ăn”, khiến một bộ phận người dân bị lay động, nghe theo mà không nhận ra bản chất, không ý thức được hậu quả.

Từ Đổi mới, khi Việt Nam chủ động gia tăng hội nhập quốc gia, quốc tế, thì các phần tử, thế lực thù địch thường xem tôn giáo và dân tộc là “mảnh đất màu mỡ” để gieo rắc tư tưởng phản kháng, ly khai, tự trị gây phá hoại từ bên trong và áp lực ngoại giao từ bên ngoài. Những luận điệu xuyên tạc như “Việt Nam đàn áp tôn giáo”, “ngăn cấm tự do tín ngưỡng”, “phân biệt đối xử người bản địa” thường dễ gây chú ý, lại được khuếch đại bởi truyền thông hải ngoại và mạng xã hội, nhằm gây mất lòng tin của tín đồ vào Đảng và Nhà nước, từ đó tạo môi trường cho “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, tôn giáo và dân tộc.

Tóm lại, hiện tượng lợi dụng tôn giáo để chống phá có nguyên nhân sâu xa và là một trong những hệ quả của sự đan bện nhiều yếu tố: tác động của các xu thế dân tộc-tôn giáo có tính toàn cầu; sự tồn tại các thế lực thù địch ngoài nước (thực hiện các âm mưu lợi dụng tôn giáo chỉ để chống phá); tranh chấp đất đai và bất bình đẳng (trong cơ hội phát triển, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi nơi còn khó khăn về kinh tế); cơ chế quản lý các hoạt động tôn giáo và thực thi chính sách, pháp luật về tôn giáo (còn có điểm chưa phù hợp, năng lực cán bộ địa phương còn có hạn chế nhất định); nghèo đói, học vấn chưa cao, nhận thức mọi mặt còn hạn chế của người dân (dẫn đến họ dễ bị lôi kéo, kích động); truyền thông giai đoạn số hóa



và các mạng xã hội trực tuyến (khiến cho việc lan truyền các thông điệp chống phá dễ dàng, nhanh chóng và phủ rộng hơn).

## **2. Nhận diện, các luận điệu lợi dụng tôn giáo thường được sử dụng**

Các luận điệu lợi dụng tôn giáo dù khá khác nhau, có thể khái quát thành các nhóm chủ yếu như sau:

*(i) Cổ súy ý tưởng của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi dựa trên niềm tin tôn giáo*

Điểm chung trong các chiến thuật tư duy lợi dụng tôn giáo ở các vùng Việt Nam chính là kích động ý tưởng của bóng ma của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi (ethnic chauvinism), thêm vào màu sắc cực đoan. Đây là xu hướng đề cao đến mức cực đoan lợi ích của một dân tộc hoặc một cộng đồng tộc người, đi kèm thái độ kỳ thị, phủ nhận hoặc đối đầu với các dân tộc, quốc gia khác. Trên thế giới, nó thường có biểu hiện chung là tuyệt đối hóa bản sắc, văn hóa, tập quán; có tư tưởng tách biệt và khép kín; cường điệu sự khác nhau giữa các tộc người; đòi ly khai, tự trị. Theo ý tưởng cực đoan này, chỉ một dân tộc sẽ phải tách biệt khỏi mái nhà chung, có đất đai riêng, chế độ chính trị để đi con đường riêng, xây dựng dựa trên một tôn giáo mới, và tìm kiếm sự ủng hộ của quốc tế. Đây thực chất là sự lệch lạc trong nhận thức về dân tộc, trái ngược với chủ nghĩa dân tộc chân chính vốn đề cao lòng yêu nước, sự đồng thuận quốc gia-dân tộc, cùng hướng tới đoàn kết, phát triển.

Lối tư duy hẹp hòi, phi hiện thực này, như là sự hồi sinh bóng ma của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi đã bị phê phán chỉ có thể hấp dẫn và có lý với những ai có nhận thức hạn chế và hiểu nhầm rằng quốc tế sẽ ủng hộ điều này.



(ii) Luận điệu “Việt Nam đàn áp, cấm đoán tôn giáo”

Theo luận điệu này, các thế lực thù địch ra sức xuyên tạc chính sách, luật pháp về tôn giáo của Việt Nam. Một mặt, chúng rêu rao rằng Chính phủ đã tuyên bố trước thế giới là Việt Nam đảm bảo quyền tự do tôn giáo nên ai cũng được tự do hoạt động tôn giáo mà không cần phải xin phép. Mặt khác, chúng tìm cách gán ghép các vụ việc vi phạm pháp luật trong hoạt động tôn giáo bị chính quyền xử lý thành sự kiện “đàn áp tôn giáo”. Chúng kêu gọi người dân cùng tạo áp lực để “thả những người dân tộc thiểu số và tín đồ đạo Tin Lành bị bắt”<sup>1</sup>; vu cáo chính quyền làm mất tự do của sư sãi trong Phật giáo Nam tông Khmer...<sup>2</sup>. Tất cả những luận điệu này đều hướng vào quy chụp công tác quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo và xử lý sai phạm trong lĩnh vực tôn giáo là “vi phạm tự do tôn giáo”.

1. Dẫn lại từ Hoàng Thị Lan (chủ biên, 2021), *Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.216; Xem thêm: Nguyễn Thị Phương Hoa (chủ biên, 2018), *Một số vấn đề an ninh phi truyền thống ở khu vực biên giới Việt-Trung*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội; Nguyễn Linh Khiếu (chủ biên, 2020), *An ninh phi truyền thống vùng dân tộc thiểu số: lý luận và thực tiễn*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội;

2. Xem thêm: Đào Đình Thường (2024), “Đấu tranh với âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo hình thành “Nhà nước Khmer Krôm” ở Tây Nam Bộ”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước và lao động*, truy cập tại: <https://tcnn.vn/news/detail/63626/Dau-tranh-voi-am-muu-loi-dung-van-de-dan-toc-ton-giao-hinh-thanh-%E2%80%9CNha-nuoc-Khmer-Krom%E2%80%9D-o-Tay-Nam-Bo.html>



(iii) *Luận điệu “Đi theo đạo mới sẽ có nhà nước riêng”, “ai không tin theo sẽ bị Chúa trời trừng phạt”*

Các thế lực thù địch lợi dụng khái niệm “quyền của các dân tộc bản địa” theo Tuyên ngôn Liên hợp quốc (UNDRIP) để tuyên truyền rằng, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam bị tước đoạt đất đai từ cha ông, bị “đồng hóa văn hóa” theo người Kinh, bị mất tự do tôn giáo, từ đó kích động họ đòi quyền tự trị, ly khai. Chúng tuyên truyền rằng theo đạo là đi theo con đường mới, mỗi dân có tôn giáo riêng, đi theo sẽ có nhà nước riêng.

Nhóm tuyên truyền về “Tin Lành Vàng chú”, “Nhà nước Mông” ở Tây Bắc thường có luận điệu về việc dừng lao động sản xuất, cùng tụ tập đón Chúa Trời hiện ra và khai mở “nhà nước mới”, ở đó không làm vẫn có ăn... Nhóm Tin Lành De ga - sản phẩm của tổ chức FULRO lưu vong - ở Tây Nguyên tuyên truyền rằng “ai không theo đạo Tin Lành sẽ bị Chúa trời trừng phạt”; Nếu theo Tin Lành De ga thì không phải đi làm rẫy, không cần nuôi con bò, con heo nữa. Chúa có phép lạ, cho nhiều lúa, nhiều cà phê, nhiều tiền, theo Tin Lành De ga, Chúa sẽ cho hết bệnh, không cần đến trạm y tế xã...; “Ai đi biểu tình thì được “Nhà nước De ga” bảo hộ, được cấp đất, cấp tiền, cấp nhà tại Buôn Ma Thuột, nếu không đi sẽ bị trả thù”.

(iv) *Luận điệu Phật giáo Nam tông Khmer bị hạn chế tự do tôn giáo*

Một số phần tử lưu vong tuyên truyền về cộng đồng Phật giáo Nam tông Khmer ở Tây Nam Bộ rằng sư sãi bị hạn chế trong các hoạt động tôn giáo, không được nhập kinh sách từ Campuchia, bị hạn chế khi đi du học về tôn giáo, v.v... Chúng tuyên truyền luận điệu rằng người Khmer vì mất đất tổ tiên, không có nhà



*nước riêng, nên bị kỳ thị; "chính quyền can thiệp vào nội bộ tôn giáo"; "Phật giáo Khmer độc lập", "cần phải tách Giáo hội Phật giáo Nam tông Khmer" ra khỏi Giáo hội Phật giáo Việt Nam, v.v...*

*(iv) Luận điệu "Thế giới cần quan tâm đặc biệt trường hợp tự do tôn giáo ở Việt Nam"*

Mọi vấn đề liên quan đến tôn giáo đều được chúng tìm cách đẩy lên thành vấn đề quốc gia, quốc tế. Từ đó, thông qua các tổ chức như Human Rights Watch, USCIRF, UNPO, Montagnard Foundation, Khmer Kampuchea-Krom Federation, các cơ quan phụ trách viết báo cáo thường niên về tự do tôn giáo quốc tế ở Hoa Kỳ... chúng cung cấp thông tin, tham gia tại các phiên điều trần, gặp mặt người có vị trí cao trong chính phủ để vận động hành lang, nhằm tạo sức ép ngoại giao, vu cáo Việt Nam "vi phạm nhân quyền" và đòi hỏi những hành động có tính trừng phạt.

Riêng về phía các cơ quan soạn thảo các báo cáo về tự do tôn giáo quốc tế của Hoa Kỳ, đặc biệt là về trường hợp Việt Nam, cần minh định cách làm của họ, tránh lối tư duy phản bác một chiều. Trong chuyến thăm và làm việc chính thức tháng 10 và tháng 11 năm 2024 tại Hoa Kỳ, chúng tôi đã trực tiếp đặt những câu hỏi về cách họ thu thập tài liệu, viết báo cáo và xếp loại các quốc gia về mức độ đảm bảo tự do tôn giáo (trong đó có Việt Nam). Đại diện các cơ quan này khẳng định rằng họ thu thập, tiếp cận thông tin, bằng chứng từ nhiều nguồn khác nhau, chính thức và phi chính thức; rằng họ đã ghi nhận những tiến triển trong các năm qua nhưng nếu chỉ một cá nhân, một trường hợp còn kêu than chưa được tự do tôn giáo thì có nghĩa là tự do tôn giáo nói chung vẫn chưa được đảm bảo, và vẫn cần có sự



can thiệp; rằng việc xếp loại có tính nhắc nhở, chưa dùng làm cơ sở để áp dụng sự trừng phạt hay gây khó dễ ngoại giao<sup>1</sup>. Có thể thấy về mặt chính thức, việc một số cơ quan của Hoa Kỳ làm báo cáo tự do tôn giáo về Việt Nam là theo quy định của Luật tự do tôn giáo quốc tế (IRFA). Báo cáo như thế mang tính phản ánh tiến trình đảm bảo quyền tự do tôn giáo và đưa ra khuyến nghị. Nhưng việc một số cá nhân, tổ chức nắm bắt hoạt động thường niên này để tìm cách tác động mới chính là hành vi lợi dụng và cố ý thực hiện những động cơ, nghị trình riêng, mang tính tiêu cực và chỉ để chống phá Việt Nam.

### 3. Các hình thức, mô thức tuyên truyền, chống phá

Các thế lực thù địch hiện sử dụng nhiều mô thức kết hợp đa tầng để can thiệp, bao gồm: *Thứ nhất*, khai thác truyền thông số và mạng xã hội như youtube, facebook, viber, instagram... Tại đó, chúng chủ định tập hợp, khởi tạo, phát tán video, hình ảnh, phóng sự xuyên tạc bằng nhiều ngôn ngữ (Anh, Khmer, Ê-đê, Gia-rai, Mông...) nhằm kích động bất mãn và tạo làn sóng tâm lý “bị áp bức”. Các tài khoản mạng xã hội thường được tạo ra và nhân bản hàng loạt, lại sử dụng kỹ thuật để tăng tương tác, tạo ra các bình luận kích thích sự tranh cãi, gây chú ý, khi bị

---

1. Từ ngày 19/10 đến ngày 9/11/2024, tôi đã đi tham dự Chương trình Khách mời lãnh đạo quốc tế (IVLP) do Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam tổ chức. Chương trình được thiết kế diễn ra ở Hoa Kỳ nhằm giúp đoàn đại biểu từ Việt Nam tiếp cận với một phổ rộng các cơ quan chính phủ, tổ chức phi chính phủ, các giáo hội và các liên minh tôn giáo có những vai trò và đóng góp khác nhau cho thúc đẩy tự do tôn giáo, đảm bảo quyền tự do tôn giáo theo Hiến pháp.



khóa tài khoản bởi cơ quan an ninh thì lại mở tài khoản khác. Cũng qua mạng xã hội và các phương tiện giao tiếp sử dụng môi trường internet, chúng gây dựng lực lượng cốt cán trong nước, gửi tiền cùng nhiều lời hứa hẹn, sử dụng kênh truyền miệng để lan tỏa trong các cộng đồng những thông điệp kích động phản kháng, ly khai, nghi ngờ và chống đối chính quyền. Thực chất, để thực hiện các âm mưu chống phá về chính trị, các nhân tố thù địch trong nước phải có nguồn kinh phí, có thể lực đứng sau, có tư vấn về chiến lược thực hiện. Bên cạnh tài trợ kinh phí, kích động tư tưởng thù địch, các thế lực thù địch ngoài nước còn cung cấp các khóa đào tạo về chiến lược và kỹ năng cho các nhân tố trong nước mà chúng gây dựng được. Theo thông tin từ lực lượng chức năng của Việt Nam, từ năm 1990 đến năm 2020, trên cả nước đã ghi nhận có khoảng gần 200 nhân vật có tôn giáo và có thái độ cực đoan, chống đối chính quyền; có khoảng 7000 trường hợp đã phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia, gần 3000 trường hợp vi phạm pháp luật về trật tự an ninh xã hội; có gần 800 trường hợp người có tôn giáo đã xuất cảnh trái phép.

*Thứ hai*, chúng tận dụng cơ chế làm việc của nhân quyền quốc tế, qua đó gửi các “báo cáo bóng tối” (shadow reports) tới Liên Hợp quốc, tìm cơ hội gặp trực tiếp gặp để vận động nghị sĩ các nước phương Tây lên tiếng về “tự do tôn giáo” ở Việt Nam. Chúng cũng tận dụng cơ chế tiếp nhận thông tin từ các cơ quan chuyên viết báo cáo về tự do tôn giáo quốc tế như Văn phòng tự do tôn giáo quốc tế của Bộ ngoại giao Hoa Kỳ; Ủy ban tự do tôn giáo quốc tế Hoa Kỳ (USCIRF) để gửi



đến những thông tin về vi phạm tự do tôn giáo trong nước, nhưng thực tế là khó kiểm chứng về tính xác thực.

*Thứ ba*, chúng tìm cách tác động, lợi dụng các hiện tượng tôn giáo mới cực đoan, không được hợp pháp hóa ở Việt Nam như “Tin Lành Đền Ga”, “Tin Lành Vàng Chứ”, Giê sù a, Bà cô Dọ, “Hà Môn” ... để lôi kéo người tin theo, tập hợp lực lượng, tuyên truyền tư tưởng về xây dựng nhà nước tự trị mới trên vùng đất riêng bịa đặt ra. Các vụ việc tôn giáo - dân tộc cực bộ, những bất bình đẳng về điều kiện sống, mâu thuẫn xã hội được biến thành “xung đột chính trị - tôn giáo”, tạo ra các “điểm nóng”<sup>1</sup> về tự do tôn giáo, lấy lý do cho các tổ chức quốc tế vào điều tra, can thiệp.

Chúng cũng rêu rao về bảo lãnh tị nạn, bằng cách tự xưng là “người giúp đỡ tôn giáo”. Chúng tiếp cận người có tâm lý bất mãn, hứa hẹn lo thủ tục di cư hoặc bảo lãnh sang nước ngoài theo diện “tị nạn tôn giáo”. Việc đề nghị sẽ giúp làm hồ sơ, xin được tổ chức quốc tế bảo vệ, đã đánh trúng tâm lý muốn thoát nghèo và mong con cái có cơ hội học hành của nhiều gia đình. Khi đã tin tưởng, người dân dễ bị ràng buộc tài chính, gửi tiền, ký giấy tờ hoặc tham gia hoạt động trái pháp luật.

Với Tin Lành De ga, các đối tượng tiến hành tổ chức sinh hoạt tôn giáo tại nhà dưới hình thức “điểm nhóm” kín, không công

---

1. Xem thêm: Đỗ Lan Hiền (chủ biên, 2021), *An ninh tôn giáo ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng, dự báo và tư vấn chính sách*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.272-274; Hoàng Thị Lan (chủ biên, 2021), *Sổ đ.*; Nguyễn Văn Minh (2017), *Những hiện tượng tôn giáo mới ở một số dân thiểu số tại chỗ vùng Tây Nguyên hiện nay*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.



khai. Các nhóm này sinh hoạt đều đặn, có người phụ trách từng phần như nhóm trưởng, người hướng dẫn học Kinh Thánh, hay người làm công tác liên lạc. Trong các buổi cầu nguyện, phần nội dung tôn giáo chính thống được lồng ghép khéo léo với các yếu tố chính trị, bắt đầu bằng lời cầu cho “dân tộc mình”, rồi tiến đến đòi hỏi “tự do đức tin”, và cuối cùng là lời kêu gọi trung thành với “chính nghĩa De ga”. Chúng cũng từng bước xây dựng và đề cao thủ lĩnh trong người dân tộc thiểu số. Các hình ảnh về cựu thủ lĩnh, cờ của “nhà nước De ga” được đề cao. Việc trộn lẫn giữa tôn giáo và “nghị thức quốc gia tưởng tượng” khiến người tham gia dân xem mình không chỉ là tín đồ mà còn là “công dân” của một dân tộc riêng biệt, có sứ mệnh bảo vệ “quê hương De ga”. Cảm xúc thiêng liêng tạo ra có chủ đích này này giúp những người nhẹ dạ thêm củng cố niềm tin và sẵn sàng hy sinh cho lý tưởng đã được gieo vào tâm trí.

*Thứ tư*, chúng tạo nguyên có qua tranh chấp dân sinh, gấn các vụ việc tranh chấp đất đai, tái định cư, di dân với luận điệu “tước đất của người bản địa”, “xâm phạm tài sản tôn giáo”, “đòi đất đai tôn giáo” kích động tụ tập đông người, đi khiếu kiện tập thể tại các cơ quan chính quyền địa phương, từ đó gây mất trật tự xã hội, tạo sự chú ý. Những việc chúng muốn gây ra là làm rạn nứt các quan hệ xã hội; gây phân hóa nội bộ; kích động, gây ra mâu thuẫn trong các quan hệ tộc người; làm suy yếu quan hệ giữa người dân với chính quyền, với khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Điều nguy hiểm nhất là việc đức tin tôn giáo bị lôi kéo vào mục tiêu chính trị, khiến cho đời sống tôn giáo vốn mang ý nghĩa hướng thiện bị biến thành công cụ kích động. Khi niềm tin bị lợi dụng, người dân trong làng, bản dễ rơi vào nghi ngờ lẫn nhau. Khi người dân mất



lòng tin lẫn nhau, quan hệ cộng đồng vốn gắn bó trong buôn làng trở nên rạn nứt. Những người theo lực lượng lưu vong FULRO cho rằng mọi hành động của chính quyền là đàn áp, trong khi phía chính quyền lại nhìn những sinh hoạt tôn giáo không đăng ký như một mối nguy. Chính sự thiếu tin tưởng ấy đã làm xuất hiện nhiều hệ quả xã hội nghiêm trọng, không chỉ trong lĩnh vực an ninh mà còn cả trong đời sống con người. Hơn thế nữa, điều này có thể lây lan sự suy giảm niềm tin của người dân địa phương vào thể chế, ảnh hưởng tiêu cực đến sự trung thành và trách nhiệm với quốc gia-dân tộc của họ.

#### **4. Đấu tranh, phản bác các luận điểm lợi dụng tôn giáo**

##### **4.1. Về nguyên tắc chung**

Để đấu tranh, phản bác có hiệu quả trước các luận điểm lợi dụng tôn giáo để chống phá của các thế lực thù địch, chúng ta cần nhất quán tuân thủ những nguyên tắc chung. Một số nguyên tắc chung là:

(i) *Luôn luôn căn cứ trên luật pháp quốc gia, thông lệ quốc tế:* Cần phải thống nhất cách hiểu và diễn đạt về các văn bản thể hiện thông lệ quốc tế như Tuyên ngôn Nhân quyền của Liên hợp quốc (1948) và Các công ước về quyền dân sự, kinh tế, chính trị mà Việt Nam đã phê chuẩn và tham gia. Đồng thời, mọi tranh biện, lập luận khi phản bác các quan điểm sai trái, các luận điểm thù địch lợi dụng tôn giáo thì phải căn cứ đúng vào chính sách, pháp luật hiện hành của Đảng và Nhà nước về đảm bảo tự do tôn giáo, về nguyên tắc và căn cứ pháp lý trong quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng.



*(ii) Thường xuyên tìm hiểu, nắm vững tình hình khu vực, quốc tế để phản bác*

Trước những cáo buộc, vu khống, chỉ trích của các thế lực thù địch về tự do tôn giáo, không ít người sẽ thấy dường như chỉ Việt Nam là một “điểm nóng” trên thế giới về vấn đề này. Nhưng nếu ta cứ theo đó mà phản bác một chiều theo hướng phủ nhận sạch trơn thì cũng không đạt hiệu quả như mong muốn. Đặc biệt, cần hiểu các cơ chế khởi tạo các báo cáo tự do tôn giáo, tìm hiểu văn hóa phản biện và rằng việc đấu tranh về đảm bảo tự do tôn giáo ở các nước phương Tây là việc diễn ra hàng ngày. Việc nắm vững tình hình sẽ giúp chúng ta có cái nhìn toàn cảnh, biết được những khó khăn, nan đề mà các quốc gia khác cũng đang gặp phải trong đảm bảo tự do tôn giáo.

*(iii) Việt Nam là một quốc gia có lịch sử lâu đời, các dân tộc anh em cùng chung sống và đóng góp cho quá trình dựng nước và giữ nước*

Theo đó, trên lãnh thổ Việt Nam, không có dân tộc nào khác ngoài dân tộc Việt Nam. Lãnh thổ là nơi cư trú chung của các tộc người chung vận mệnh cùng nhau suốt chiều dài lịch sử. Mọi ý tưởng đòi ly khai, cô lập tộc người, thành lập lãnh thổ tự trị... dù nhân danh nhân quyền hay lương tâm... đều là phi pháp, ngược lại đạo lý và truyền thống dân tộc, chống lại ý chí, nguyện vọng và lợi ích của nhân dân Việt Nam nói chung.

#### **4.2. Về những lập luận phản bác cụ thể**

*(i) Việt Nam có chính sách, pháp luật hoàn chỉnh để đảm bảo tự do tôn giáo, dựa trên thông lệ quốc tế và đặc thù trong nước*

Theo đó, mọi ứng xử với tôn giáo một mặt hướng tới lợi ích chung của mọi dân tộc cùng chung sống, mặt khác phải tuân thủ



một cách đầy đủ và thực thi một cách bình đẳng các chính sách và pháp luật về tôn giáo đã được công bố rộng rãi. Hiến pháp Việt Nam năm 2013 tuyên bố “Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo” (Điều 24)<sup>1</sup>. Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo của Việt Nam (2016) khẳng định lại tuyên bố này ở Điều 5. Đặc biệt, Điều 6 có ghi hành vi bị nghiêm cấm là “chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau”<sup>2</sup>. Việt Nam đã gia nhập và thực thi nhiều công ước quốc tế về quyền con người, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo (ICCPR, UDHR...). Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016 và các văn bản pháp luật liên quan bảo đảm đầy đủ quyền tự do tôn giáo của công dân, thậm chí tiến bộ hơn nhiều quốc gia trong khu vực. Cần khẳng định rằng việc quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo ở Việt Nam hoàn toàn phù hợp với thông lệ và luật pháp quốc tế (Tuyên ngôn Nhân quyền 1948, các công ước quốc tế và khu vực mà Việt Nam đã phê chuẩn và tham gia) - vừa tôn trọng tự do cá nhân, vừa bảo đảm trật tự, an ninh chung của cộng đồng.

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013.

2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), *Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo*, ban hành ngày 18 tháng 11 năm 2016.



*(ii) Không quốc gia nào có thể đảm bảo tự do tuyệt đối về tôn giáo*

Tự do tôn giáo được thống nhất xem là một trong những quyền căn bản của con người. Đây cũng là một thành tựu trong tiến trình nhận thức và văn minh của nhân loại. Về mặt nguyên lý, còn một cá nhân than vãn chưa được tự do tôn giáo thì cũng có nghĩa là quyền tự do tôn giáo chưa được quốc gia đảm bảo tốt. Nhưng thực tế, đảm bảo quyền tự do tôn giáo ở mức độ tuyệt đối thì chưa quốc gia nào làm được và đây cũng là điều bất khả thi, do khác nhau về quan điểm, tiêu chí, cách đánh giá, thể chế chính trị, hệ thống pháp lý, sự cảm nhận của cá nhân và quan niệm của cộng đồng...

Lấy ví dụ trong nước Mỹ, một quốc gia luôn tự hào về đảm bảo tự do tôn giáo, luôn có rất nhiều tổ chức, cá nhân hàng ngày có các chương trình thúc đẩy đảm bảo tự do tôn giáo ngay trong nước. Các báo cáo thường niên và phân loại mức độ đảm bảo tự do tôn giáo của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đối với một số quốc gia trên thế giới gặp phải hai phản ứng chính, hoặc tảng lờ coi như đó là mối quan tâm đơn phương của Hoa Kỳ, hoặc là lên tiếng phản đối về căn cứ, tính xác thực của các bằng chứng, và các tiêu chí đánh giá, phân loại, xếp hạng.

*(iii) Việc hạn chế một phần quyền tự do tôn giáo khi cần ưu tiên lợi ích quốc gia được tuyên bố trong thông lệ quốc tế và nhiều quốc gia đang làm như vậy*

Căn cứ vào điều 18 trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (năm 1966), nhiều quốc gia trên thế giới có hạn chế nhất định về quyền tự do tôn giáo để đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự công cộng và lợi ích của người khác. Ví dụ,



nước Pháp ra luật năm 2004 cấm học sinh cấp tiểu học và trung học cơ sở công lập mang đến trường các biểu tượng tôn giáo, luật năm 2010 cấm che kín mặt theo trang phục Islam giáo tại nơi công cộng. Ở nhiều quốc gia châu Phi, chính quyền cấm hoặc hạn chế việc sử dụng khăn trùm toàn thân Islam giáo từ năm 2015 để chủ động ứng phó với chủ nghĩa cực đoan về tôn giáo. Ở Liên bang Nga, sự hạn chế đối với các phong trào tôn giáo mới có nguồn gốc nước ngoài có lý do ở nhu cầu đảm bảo an ninh quốc gia, ứng phó với các hành vi can thiệp, phá hoại từ bên ngoài. Nguyên lý chung là nếu an ninh quốc gia không được đảm bảo, thì sự tồn vong của quốc gia bị đe dọa, khi đó tự do tôn giáo chắc chắn bị tổn hại.

### ***4.3. Về những phương thức đấu tranh, phản bác cụ thể***

#### *(i) Lên tiếng tại các diễn đàn ngoại giao, diễn đàn học thuật quốc tế*

Trong các hoạt động ngoại giao, Việt Nam đã thường xuyên nhấn mạnh việc đảm bảo ngày càng tốt hơn, đầy đủ hơn quyền tự do tôn giáo cho người dân nói chung. Trong học thuật, tuy thế, còn rất hiếm các công bố trong tiếng nước ngoài trực tiếp về chủ đề này. Quyền uy của học thuật cần được lưu ý và tích hợp vào thế trận đấu tranh, phản bác các luận điểm thù địch nhân danh quyền tự do tôn giáo. Những người thường xuyên phải đấu tranh ngoại giao không chỉ cần có nhận thức sâu rộng về thực tiễn đời sống tôn giáo, mà còn phải nắm bắt và chuyển tải được những kết quả học thuật, những lập luận khoa học về tôn giáo ở Việt Nam, từ đó có thể xây dựng các luận cứ vững chắc và thuyết phục của mình khi lên tiếng, phản bác, đấu tranh trên các mặt trận ngoại giao.



Chúng ta cần nhất quán và kiên quyết khẳng định rằng Việt Nam đã có hệ thống chính sách, pháp luật hoàn chỉnh về đảm bảo quyền tự do tôn giáo; đời sống tôn giáo phát triển, cả ở vùng đồng bằng đô thị và vùng biên giới đất liền trong khi các tôn giáo đóng góp ngày càng tích cực và dồi dào hơn cho phát triển toàn diện đất nước, việc chỉ nhìn vào những sự vụ tôn giáo chưa được giải quyết tốt để phủ nhận thành tựu của chính quyền và các cộng đồng tôn giáo là phiến diện, ác ý, không khách quan, thiếu thiện chí.

*(ii) Tăng cường truyền thông - đối ngoại*

Ở trong nước, chúng ta cần tiếp tục đẩy mạnh các hình thức giúp cho các cộng đồng gia tăng nhận thức về tôn giáo, về chính sách, pháp luật về tôn giáo, về ý thức quốc gia-dân tộc.

Trên lĩnh vực đối ngoại, chúng ta phải chủ động đưa thông tin trung thực ra quốc tế, bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, tăng cường đối thoại nhân quyền, đối thoại về tự do tôn giáo, kịp thời phản bác các báo cáo có thông tin sai lệch.

*(iii) Kết hợp xây và chống trong lĩnh vực an ninh - tư tưởng*

Cần kết hợp “xây” và “chống”, trong đó “xây” là củng cố niềm tin của tín đồ và đồng bào dân tộc thiểu số vào chính sách của Đảng; “chống” là nhận diện, bóc tách và xử lý các hành vi lợi dụng tôn giáo để vi phạm pháp luật. Chúng ta kiên quyết không để những sự việc nhỏ lẻ, những tồn đọng chưa kịp giải quyết để bức tranh tươi sáng về tự do tôn giáo bị vương bụi bẩn.



*(iv) Phát huy vai trò của tôn giáo học:*

Đối với bên ngoài, tôn giáo học cần được sử dụng như một công cụ khoa học và sắc bén trong đấu tranh tư tưởng - lý luận. Các viện nghiên cứu, trường đại học phải chủ động xuất bản công trình bằng tiếng Việt và đặc biệt là trong các ngôn ngữ quốc tế (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung...) tại đó tiến hành phân tích, phản biện học thuật các luận điểm “mất tự do tôn giáo”, “tôn giáo bị đàn áp”, “người bản địa bị tước quyền”, “đồng hóa văn hóa” từ góc độ tôn giáo học và chính trị học về tôn giáo.

Song song với việc này, cần xây dựng cơ sở dữ liệu học thuật về chính sách tôn giáo Việt Nam, hệ thống hóa tư liệu phân bác, phục vụ giảng dạy và đối thoại quốc tế. Chúng ta cũng phải đẩy mạnh việc đào tạo đội ngũ chuyên gia tôn giáo học có năng lực ngôn ngữ và am hiểu truyền thông quốc tế, đủ sức tham gia “phản biện học thuật toàn cầu”. Mặt khác, ở trong nước, giới tôn giáo học cần lồng ghép công tác truyền thông khoa học, phổ biến tri thức tôn giáo học trên các nền tảng mạng xã hội nhằm hình thành “hàng rào tri thức”, “đề kháng lợi dụng tôn giáo”, chống lại luận điệu sai trái của các thế lực thù địch.

Tôn giáo học cũng hữu ích trong trường hợp thông qua hợp tác học thuật, tiếp thu các bài học, kinh nghiệm quốc tế trong ứng xử với tôn giáo qua chính sách, từ đó tư vấn vi chỉnh chính sách, pháp luật về tôn giáo cho Đảng và Nhà nước. Chúng ta cũng cần ưu tiên cho tăng cường hợp tác quốc tế học thuật bằng cách mời học giả nước ngoài nghiên cứu khách quan về chính sách tôn giáo và thực tiễn đảm bảo quyền tự do tôn giáo ở Việt Nam, qua đó tạo “minh chứng từ bên thứ ba”. Đó là cách hỗ trợ



tốt hơn cho đảm bảo tự do tôn giáo tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế, thúc đẩy giao lưu, hội nhập.

Ở trong nước, tôn giáo học cần gia tăng nghiên cứu, công bố kết quả nghiên cứu về tôn giáo và đảm bảo tự do tôn giáo ở Việt Nam. Đặc biệt, các công bố cần được chia sẻ nhanh chóng, kịp thời, miễn phí đến các tổ chức, các lãnh đạo tôn giáo trong nước. Họ chính là cầu nối giữa Nhà nước và cộng đồng tôn giáo. Khi họ được trang bị kiến thức chuẩn, nội dung và kỹ năng phản bác, thì sẽ tạo ra thế trận vững chắc hơn.

Do đó, trong thời gian tới, nhà nước cần tăng cường đầu tư vào các nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng trong tôn giáo học, tiệm cận với tiêu chuẩn học thuật quốc tế đồng thời gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đặc biệt trong việc nhận diện và dự báo xu hướng biến đổi tôn giáo trên thế giới, khu vực và trong nước tại bối cảnh mới.

### **Kết luận**

Nhìn lại những diễn biến phức tạp trong lĩnh vực tôn giáo ở Việt Nam những thập niên qua có thể thấy rõ một thực tế: tôn giáo đang trở thành một trong những “mặt trận mềm” nhạy cảm nhất, nơi các thế lực thù địch tìm cách cài cắm, khuếch đại và chính trị hóa những vấn đề cục bộ nhằm gây bất ổn, phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Từ những vụ việc điển hình ở Tây Bắc, Tây Nguyên đến sự gia tăng các hoạt động xuyên biên giới, các đối tượng chống đối có tổ chức đã liên tục lợi dụng niềm tin tôn giáo, gắn nó với luận điệu dân tộc hẹp hòi, ly khai, tự trị, tạo dựng những “câu chuyện nạn nhân” để tác động vào dư luận quốc tế và tạo áp lực ngoại giao đối với Việt Nam.



Tuy nhiên, các hiện tượng này chỉ là những mảnh vỡ cục bộ, không phản ánh đầy đủ bức tranh tôn giáo Việt Nam - nơi quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được Hiến pháp và pháp luật bảo đảm ngày càng toàn diện hơn; nơi các tôn giáo luôn đồng hành cùng dân tộc và đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh và nâng cao phúc lợi cộng đồng. Việc một số vụ việc bị thổi phồng lên thành “vi phạm tự do tôn giáo” chính là chiến thuật quen thuộc nhằm đánh vào lòng tin xã hội, làm suy yếu nền tảng chính trị và gây rạn nứt quan hệ Nhà nước - công dân ở những địa bàn trọng điểm.

Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ đặt ra là phải xây dựng được “lá chắn tri thức” đủ mạnh để nhận diện và phản bác các luận điệu sai trái ngay từ gốc rễ. Điều này đòi hỏi sự kết hợp đồng bộ giữa củng cố chính sách tôn giáo, nâng cao năng lực quản lý, tăng cường đối thoại - truyền thông, chủ động tham gia các diễn đàn quốc tế và đặc biệt là phát huy vai trò của khoa học tôn giáo. Với ưu thế về tư duy phân tích, bằng chứng thực nghiệm và khả năng diễn giải học thuật, tôn giáo học có thể trở thành công cụ sắc bén trong đấu tranh tư tưởng - lý luận, góp phần định hình một diễn ngôn chuẩn xác, khách quan về tự do tôn giáo ở Việt Nam.

Có thể khẳng định rằng, bảo vệ an ninh tôn giáo trong thời đại toàn cầu hóa không chỉ là nhiệm vụ của lực lượng chuyên trách, mà là trách nhiệm của toàn xã hội - từ giới nghiên cứu, truyền thông, đến chính quyền các cấp và chính mỗi cộng đồng tôn giáo. Khi niềm tin tôn giáo được đặt đúng vị trí - là nguồn lực văn hóa, là sức mạnh tinh thần, là động lực gắn kết - thì mọi âm mưu lợi dụng đều sẽ bị vô hiệu hóa. Bảo vệ tự do tôn giáo chân chính cũng chính là bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo vệ hòa bình và sự ổn định bền vững của đất nước.